Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8540.11.00

Mã HS	8540.11.00
Mô tả hàng hóa	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình) / - Ống đèn hình vô tuyến dùng tia ca-tốt, kể cả ống đèn hình của màn hình video dùng tia ca-tốt: / - - Loại màu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 20:54:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85401100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15958
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15958
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15958
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15301
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15230
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15230
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15230
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15230
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15230
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15230
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15286
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15286
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15286
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15286

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15286
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15286
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15287
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15287
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15287
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15287
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15287
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15287
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15288
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15236
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F15244
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G15244
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H15244
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I15244
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J15244
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K15244
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15284
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15284
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15284
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15284
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15284
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15284
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15346
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15346
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15346
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15346

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15346
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15346
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15320
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15320
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15320
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15320
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15320
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15320
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D15323
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E15323
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F15323
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G15323
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H15323
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15323
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15329
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15329
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15329
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15329
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15329
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15329
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15328
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15328
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15328
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15328
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15328
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15328

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15317
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15317
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15317
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15317
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15317
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15317
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15317
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15311
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15311
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15311
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15311
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15311
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15311
RCEP B	2022	2022	0	B!D15311
RCEP B	2023	2023	0	B!E15311
RCEP B	2024	2024	0	B!F15311
RCEP B	2025	2025	0	B!G15311
RCEP B	2026	2026	0	B!H15311
RCEP B	2027	2027	0	B!I15311
RCEP C	2022	2022	0	C!D15311
RCEP C	2023	2023	0	C!E15311
RCEP C	2024	2024	0	C!F15311
RCEP C	2025	2025	0	C!G15311
RCEP C	2026	2026	0	C!H15311
RCEP C	2027	2027	0	C!I15311
RCEP D	2022	2022	0	D!D15310

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15310
RCEP D	2024	2024	0	D!F15310
RCEP D	2025	2025	0	D!G15310
RCEP D	2026	2026	0	D!H15310
RCEP D	2027	2027	0	D!I15310
RCEP E	2022	2022	0	E!D15314
RCEP E	2023	2023	0	E!E15314
RCEP E	2024	2024	0	E!F15314
RCEP E	2025	2025	0	E!G15314
RCEP E	2026	2026	0	E!H15314
RCEP E	2027	2027	0	E!I15314
RCEP F	2022	2022	0	F!D15311
RCEP F	2023	2023	0	F!E15311
RCEP F	2024	2024	0	F!F15311
RCEP F	2025	2025	0	F!G15311
RCEP F	2026	2026	0	F!H15311
RCEP F	2027	2027	0	F!I15311
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F14279
VIFTA	2025	2025	4	VI!G14279
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H14279
VIFTA	2027	2027	3	VI!I14279

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8540.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8540.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15958), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.